



Hội thảo

Đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)

Tháng 3 năm 2014



° **NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA
HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
VIỆT NAM – EU**

NHÓM NÔNG NGHIỆP
Trần Công Thắng
Phạm Thị Hồng Vân
Đỗ Liên Hương

Nội dung chính

1

- Tổng quan về thương mại ngành nông nghiệp

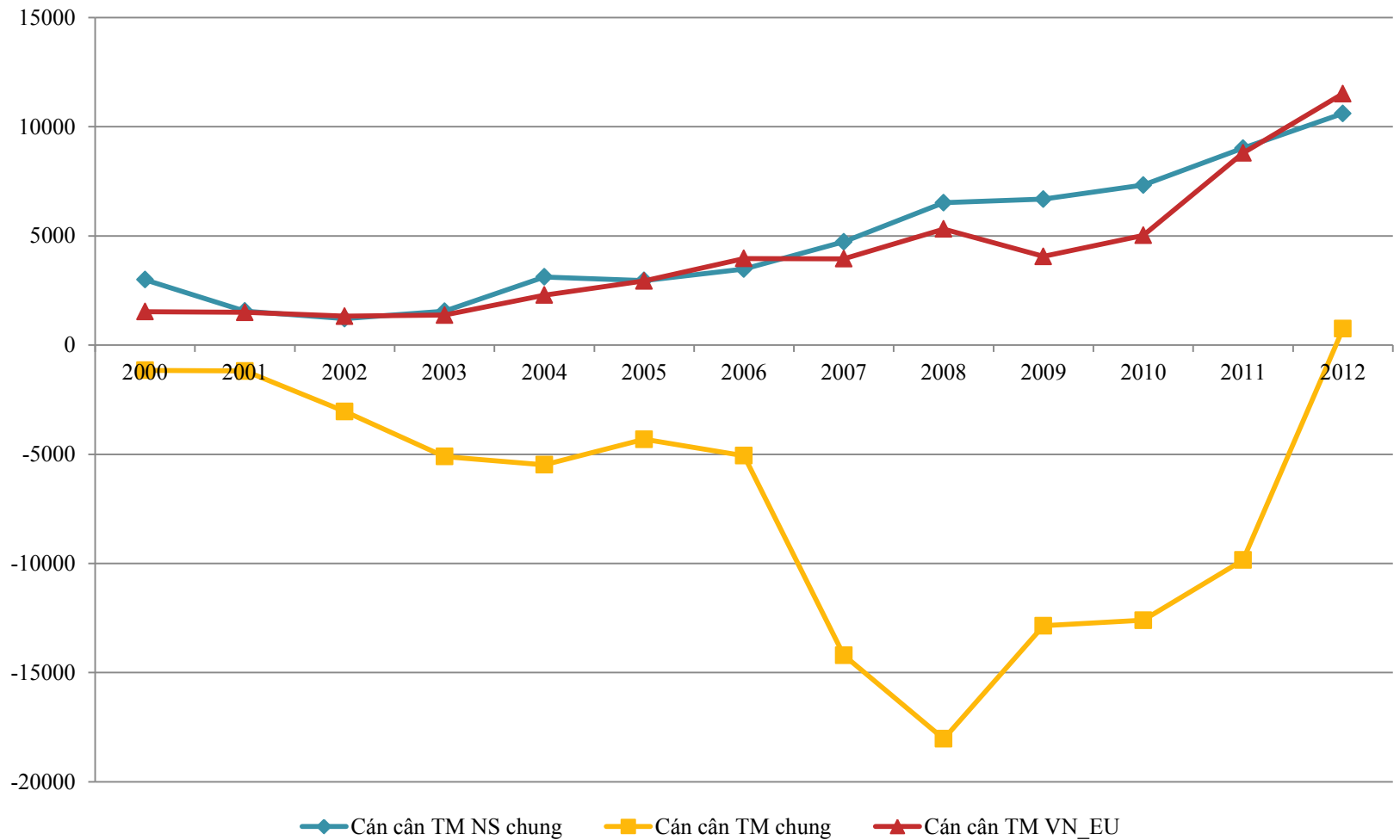
2

- Tổng quan một số ngành hàng nông sản lựa chọn để phân tích

3

- Đánh giá thực trạng và triển vọng phát triển thương mại Việt Nam- EU của những ngành hàng nông sản được lựa chọn

Cán cân thương mại ngành nông nghiệp thặng dư



Xuất khẩu nông sản từ VN sang EU tăng nhanh

- Giá trị xuất khẩu nông sản: Từ US\$0,8 tỷ năm 2001 lên US\$4,8 tỷ năm 2012 (Chỉ khoảng 17% tổng KNXX của VN và 1% tổng giá trị nhập khẩu nông sản vào EU)
- Các mặt hàng nông sản chủ lực xuất sang EU: Cà phê, gạo, Điều và cá tra

Còn tiềm năng lớn để phát triển

8 ngành hàng nông sản được lựa chọn

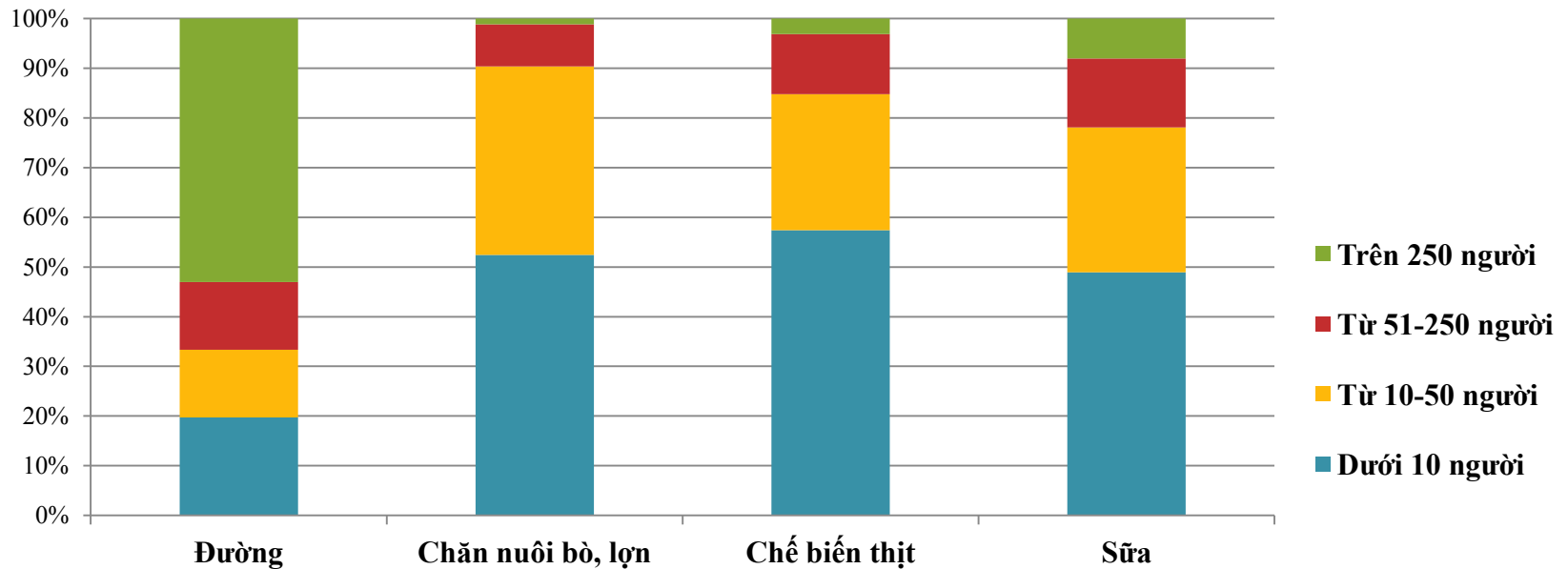
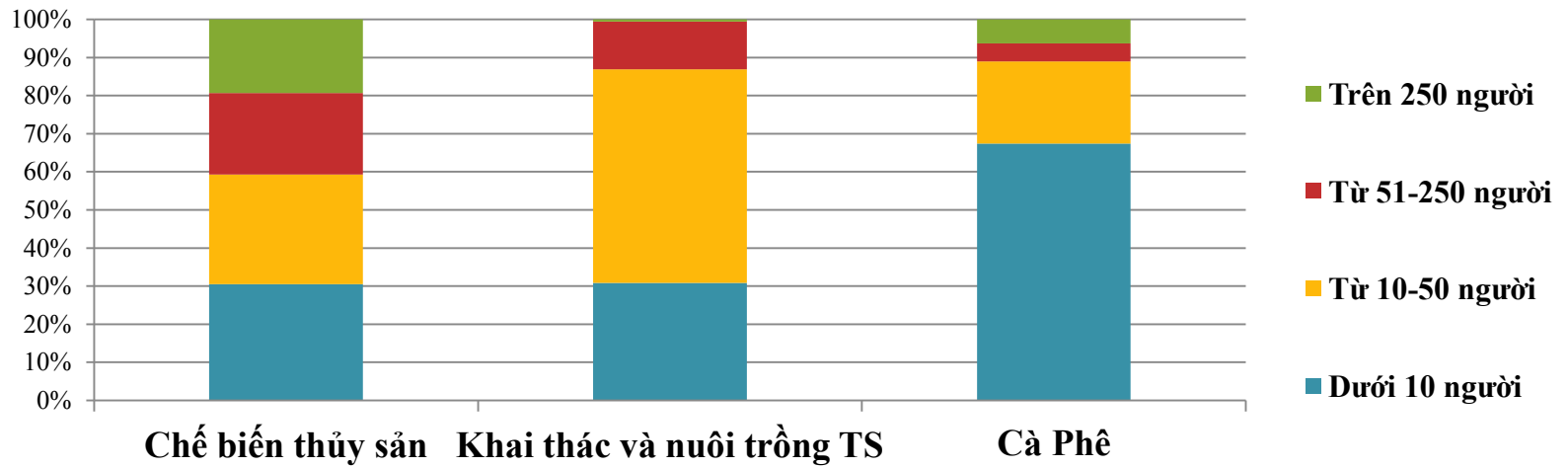
Chia thành 2 nhóm:

(1) Có tiềm năng XK: Cà phê, Hạt điều (sản phẩm trồng trọt), Tôm và Cá tra (thủy sản)

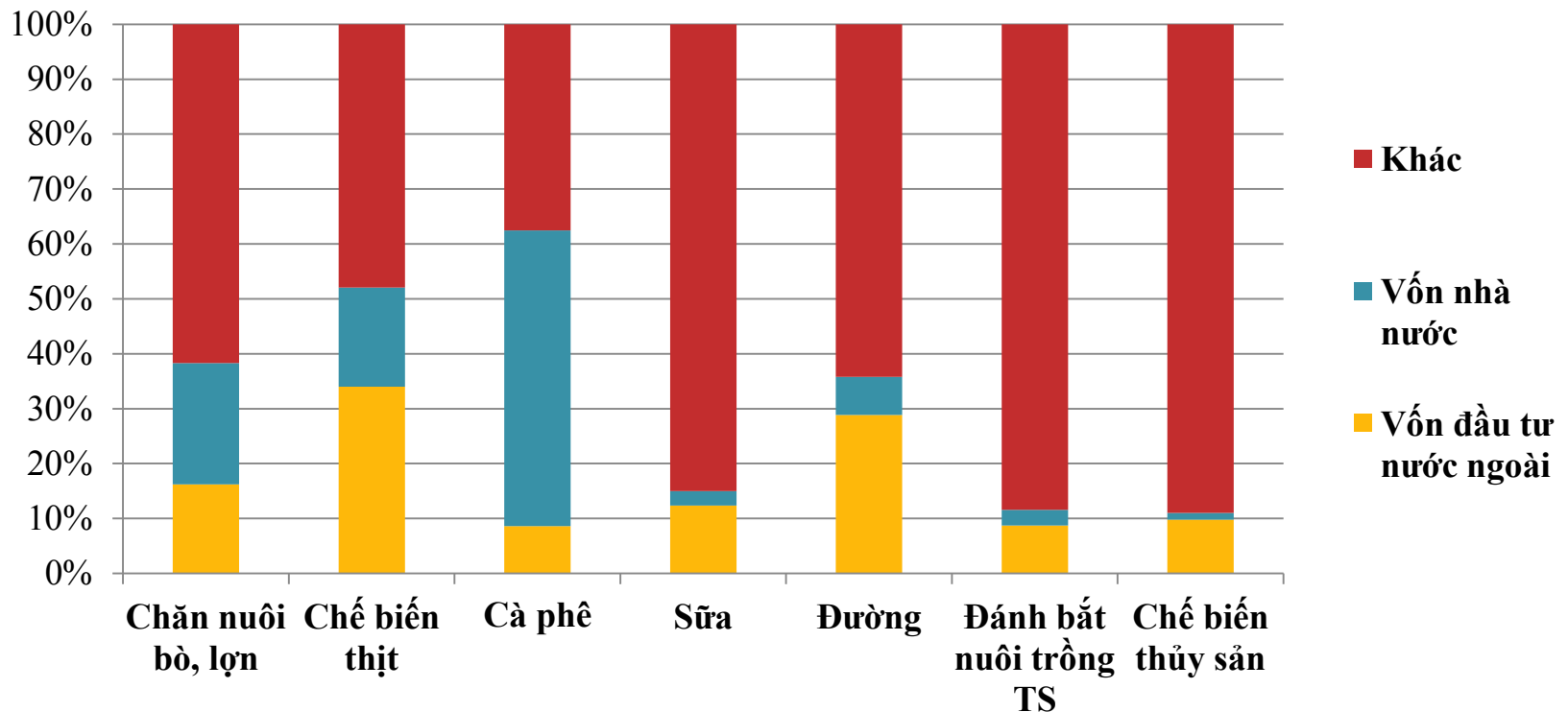
(2) Tiềm năng nhập khẩu: Sữa, thịt bò và thịt lợn (sản phẩm nông sản chế biến)

Ngành đường là ngành đặc thù nên xét riêng

Cơ cấu doanh nghiệp theo quy mô lao động

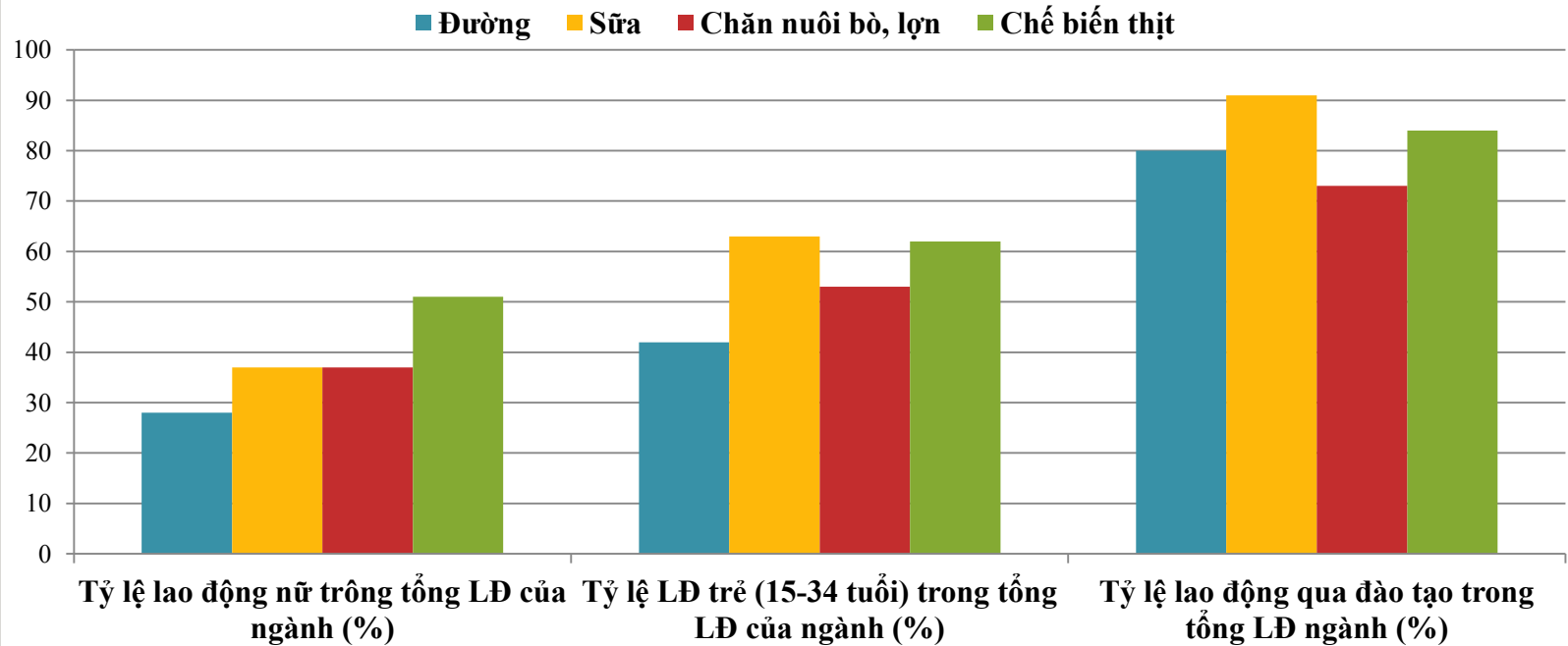
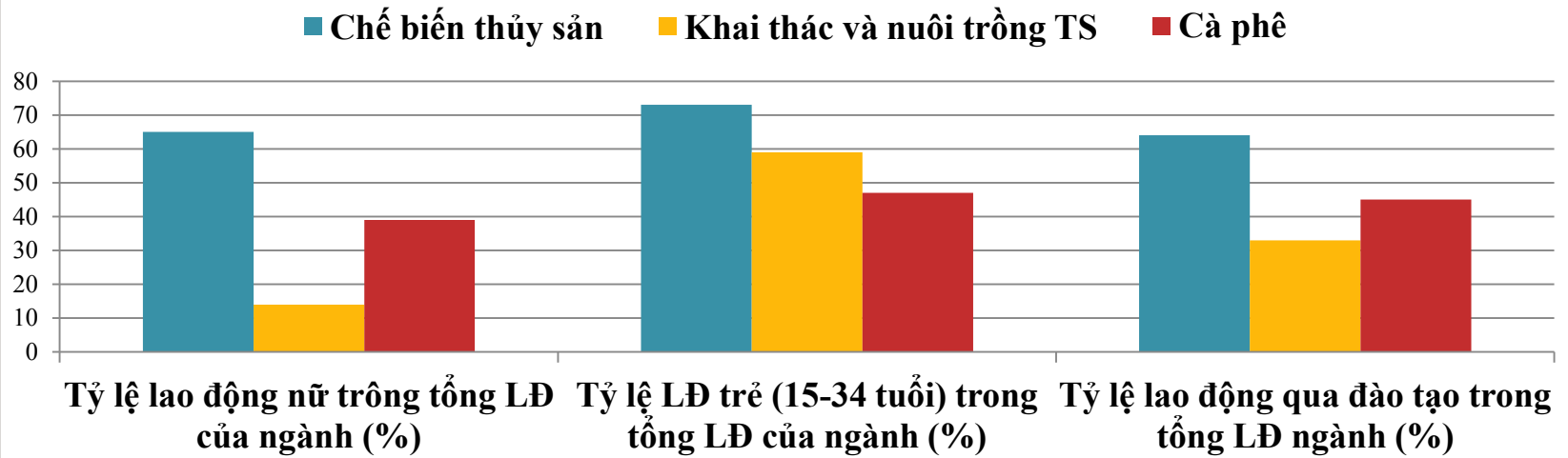


Cơ cấu doanh nghiệp theo loại hình sở hữu

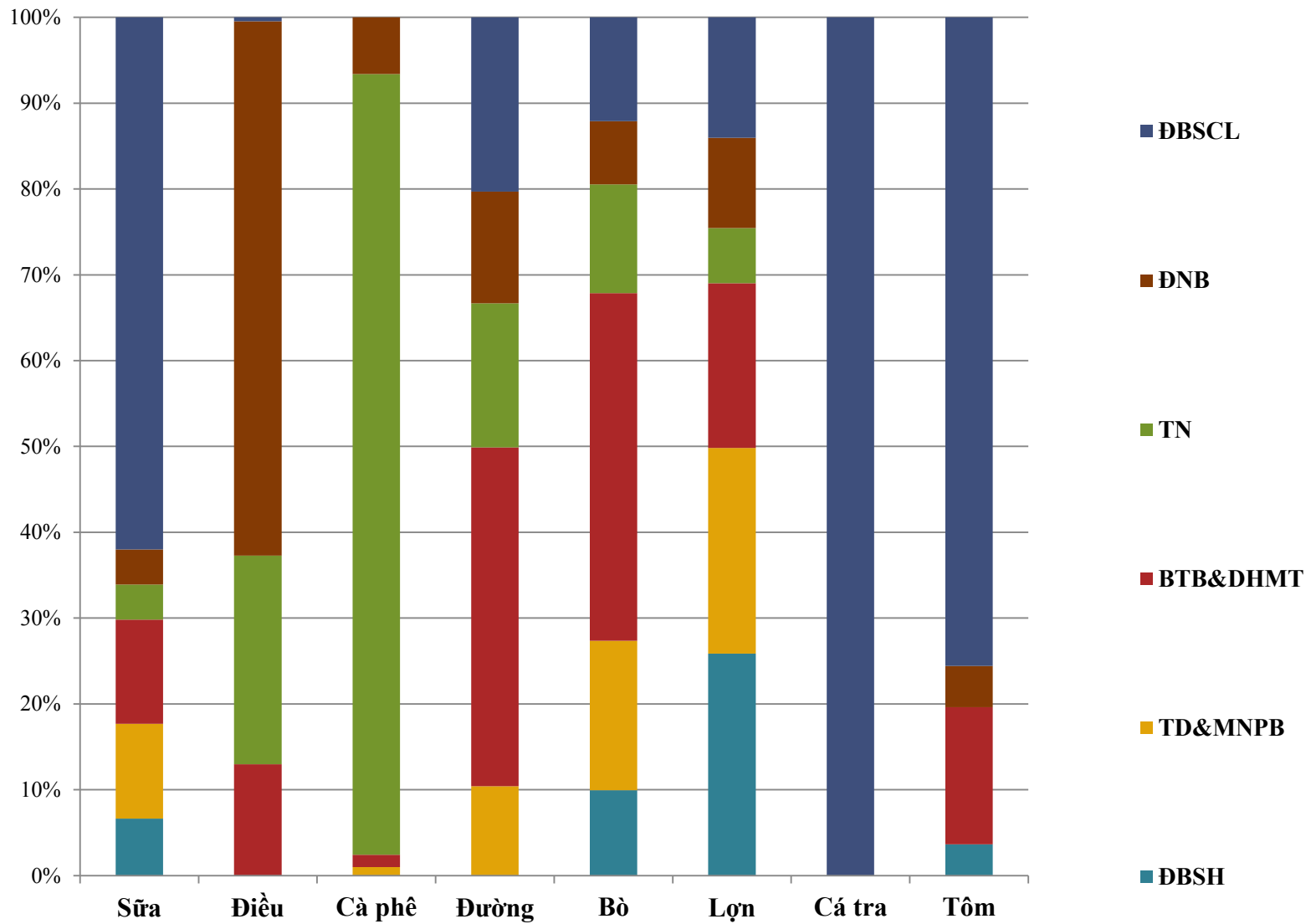


Ghi chú: “Khác” gồm doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn nhà nước <50%

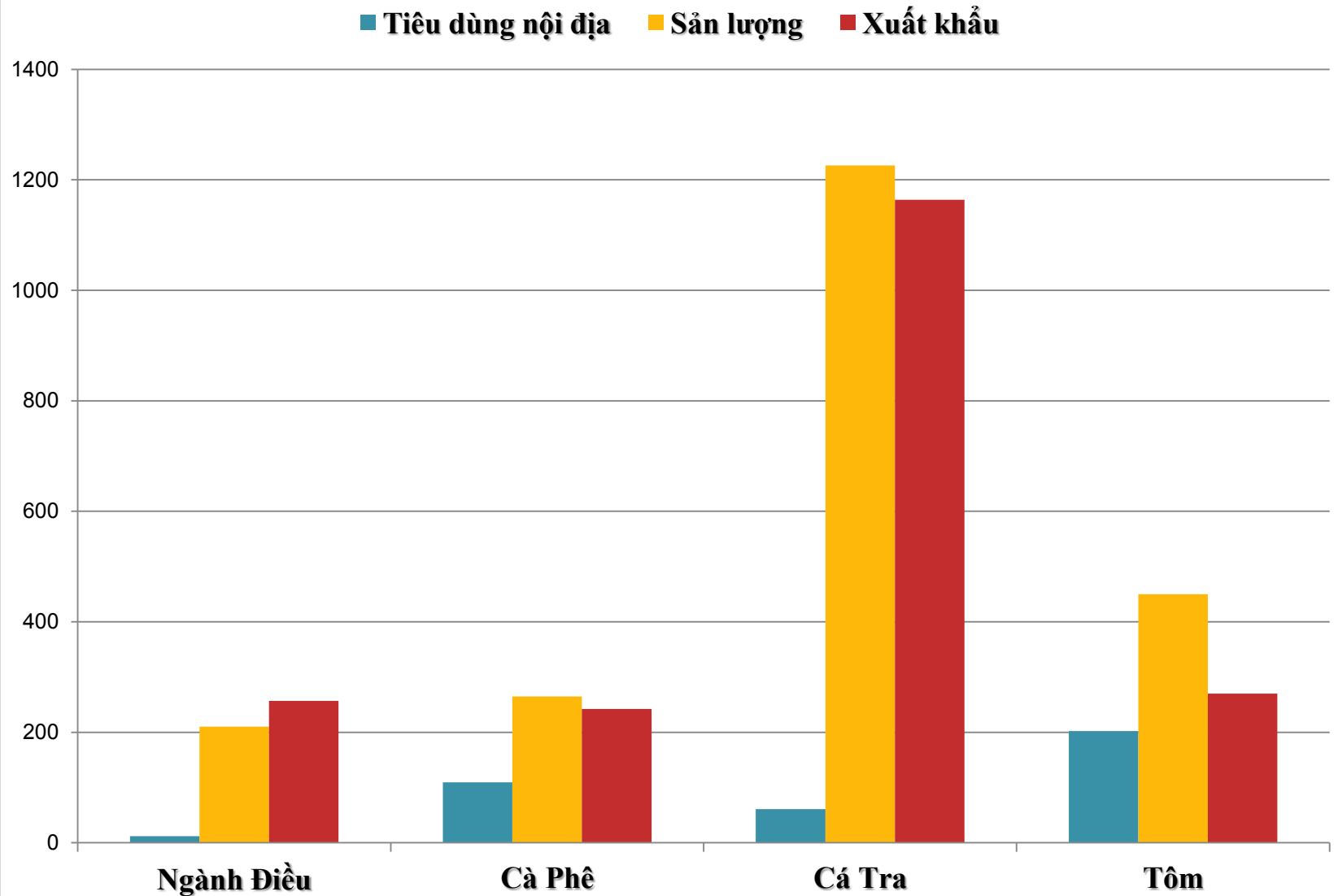
Cơ cấu lao động



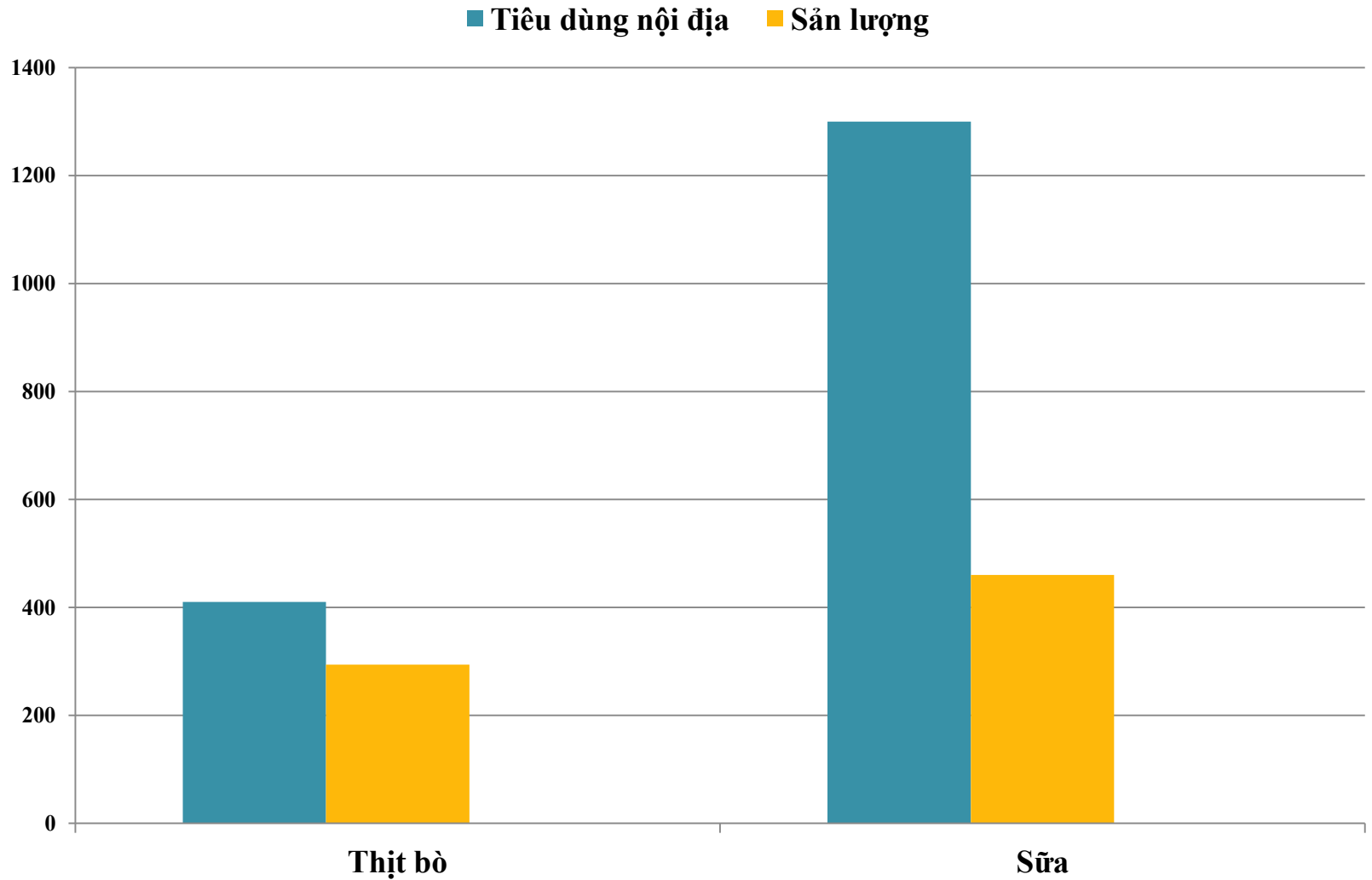
Vùng sản xuất



Tiêu dùng nội địa, Xuất khẩu và Sản lượng những ngành có tiềm lực XK, 2013 (Đơn vị: 1000 tấn)



Tiêu dùng nội địa và Sản lượng ngành có xu hướng nhập khẩu, 2013 (Đơn vị: 1000 Tấn, sữa: 1000 lit)



Các thị trường chính

Xuất khẩu tới

- **Hạt điều:** Mỹ (28%), Trung Quốc (20%), Hà Lan (12%), Úc (7%)
- **Cà phê:** Mỹ (15%), Đức (14.5%), Tây Ban Nha (7.5%), Italy (7.4%)
- **Cá tra:** EU (24%), Mỹ (21%), ASEAN (6.33%), Mexico (5.8%)
- **Tôm:** Nhật Bản (28%), Mỹ (20%), EU (14%), HongKong & Trung Quốc (11%)

Nhập khẩu từ

- **Sữa:** Newzeland (22%), Mỹ (17%), Singapore (11%), Hà Lan (6%)
- **Thịt lợn:** Canada (61%), Mỹ (32%), Tây Ban Nha (3%)
- **Thịt bò:** Ấn Độ (50%), Úc (23%), Mỹ (22%)

Đối thủ cạnh tranh

- Mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau là cao ở cả 8 ngành
- Đối với ngành sữa, cạnh tranh từ các sản phẩm sữa nhập khẩu từ Newzeland và Mỹ cũng ở mức cao
- Đối với các ngành có tiềm lực xuất khẩu (như cá tra, tôm) cạnh tranh quốc tế là nhỏ

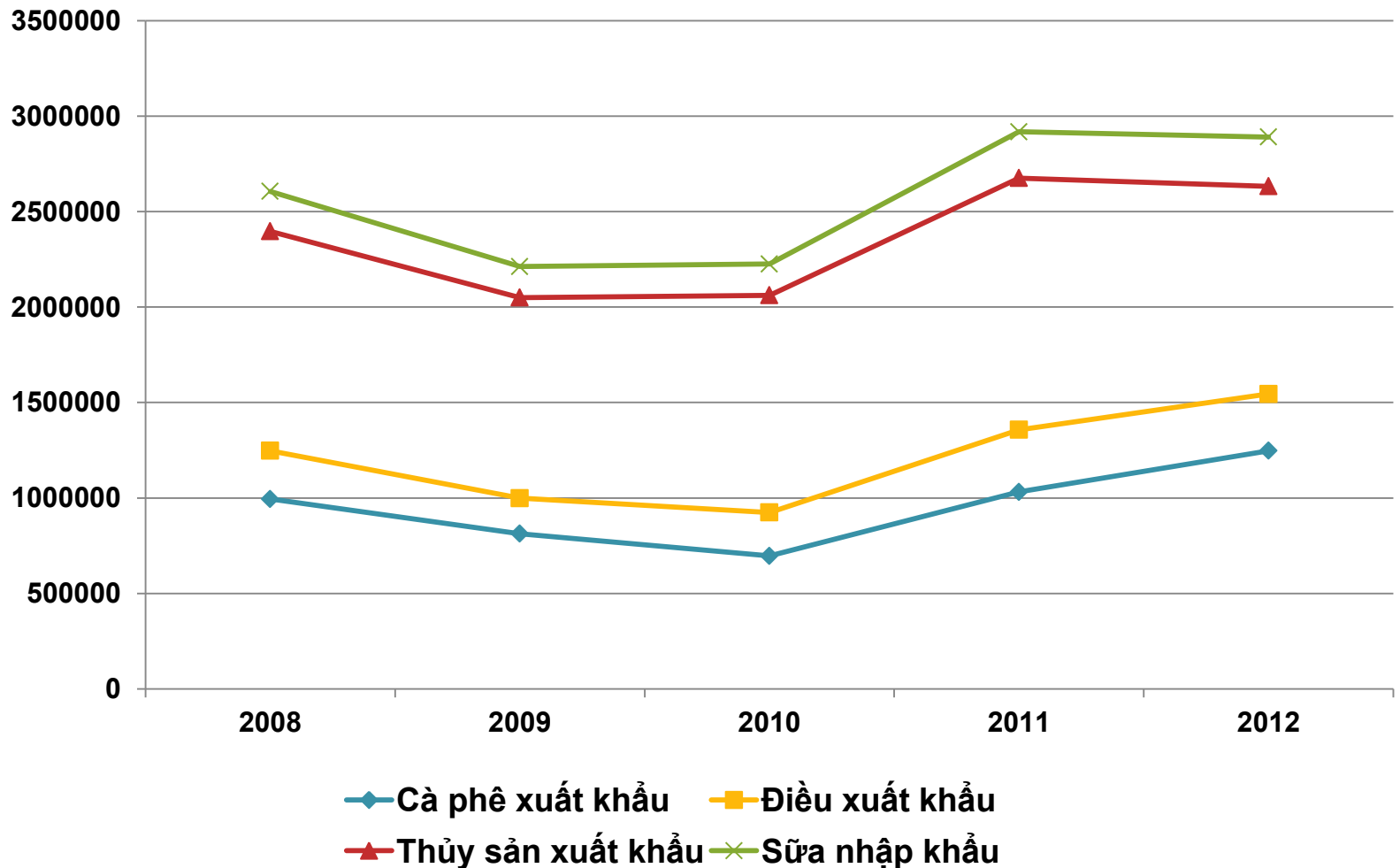
Thực trạng nhóm tiềm năng xuất khẩu

Năng suất và tổng sản lượng hiện nay ở mức khá cao và có thể tăng nhưng không nhiều.

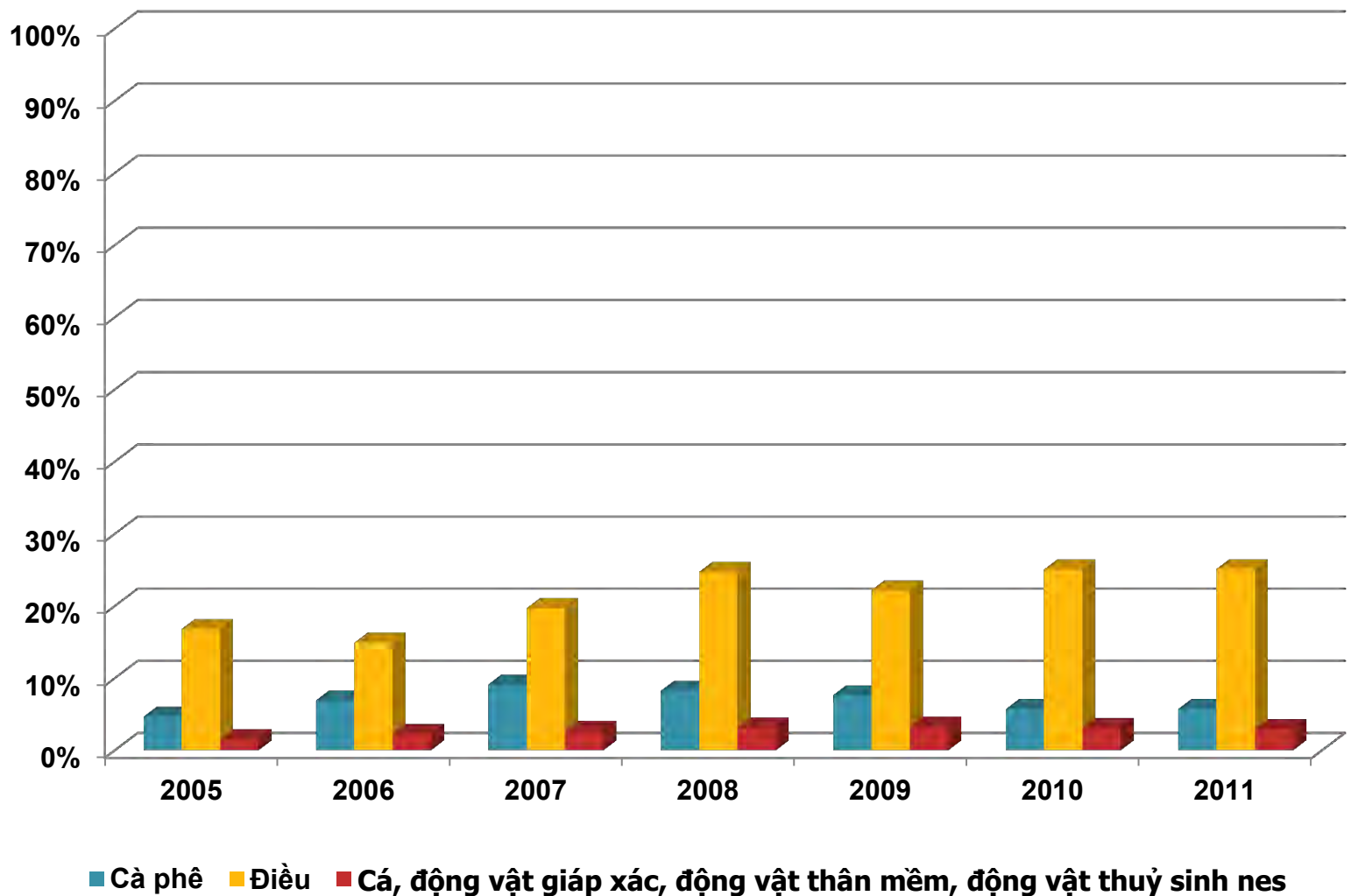
Xuất khẩu tiếp tục tăng nhưng chiếm thị phần nhỏ trên thị trường EU.

Mức thuế trung bình vào thị trường EU ở mức thấp

Kim ngạch xuất/nhập khẩu VN-EU một số ngành hàng (000 USD)



Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu của VN trên tổng kim ngạch nhập khẩu vào EU



Mức thuế suất vào EU thấp

	Mã HS6	Mức thuế suất áp dụng trung bình	Mô tả
		%	
Cà phê			
	090111	0.0	Cà phê, chưa rang, Chưa khử chất ca-phê-in
	090121	2.6	Cà phê đã rang không bao gồm cà phê đã xử lý cà phê in
Hạt điều			
	080131	0.0	Hạt điều tươi hoặc khô chưa bóc vỏ
	080132	0.0	Hạt điều tươi hoặc khô đã bóc vỏ
Tôm			
	030613	5.9	Tôm và giáp xác đông lạnh đã hoặc chưa bóc mai
Cá phi lê			
	030420	6.7	Phi lê cá đông lạnh
	030490	3.9	Thịt cá đông lạnh đã hoặc chưa xay nghiền

Các rào cản xâm nhập thị trường EU

- Chỉ dẫn địa lý (GI - Geographical Indication): trong đàm phán FTA Việt Nam - EU cần đề cập đến việc xin chứng nhận GI cho nông sản, là cách nhanh nhất và rẻ nhất
- Các rào cản SPS và TBT không có khả năng giảm song cần đảm bảo các yêu cầu đối với Việt Nam phải tương tự như những thỏa thuận của EU với các nước ACP (Africa, Caribbean, Pacific)
- Đối với vấn đề chống bán phá và vấn đề chống trợ cấp: EU công nhận Việt Nam là một nền kinh tế thị trường

Các rào cản khác đối với tôm và cá tra

- Với thuế quan: giảm thuế xuống mức mà các nước khác trong khu vực hiện đang được hưởng và lưu ý đàm phán mức thuế cho sản phẩm có giá trị gia tăng cao như cá tra tằm bột, tôm tằm bột để thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tăng lợi nhuận thu được từ xuất khẩu;
- Về phi thuế: cần lưu ý tới những ràng buộc về vấn đề môi trường, trách nhiệm XH để đảm bảo không quá khắt khe tới mức Việt Nam không thể thực hiện được. Với SPS cho tôm, cần phải chấp nhận xác suất nhất định về việc không phù hợp tiêu chuẩn của tôm và trả về những lô hàng lỗi thay vì tạm ngừng nhập khẩu trong một thời gian hay yêu cầu kiểm tra toàn hệ thống sản xuất.


Triển vọng từ FTA VN-EU đối với nhóm tiềm năng xuất khẩu

Tập trung sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và xúc tiến thương mại


Tăng giá trị thay vì tăng khối lượng và thâm nhập tốt hơn vào các thị trường lớn, khó tính, giá trị cao trong khu vực EU

Thực trạng nhóm tiềm năng nhập khẩu

Tổng sản lượng hiện nay ở mức thấp trong khi nhu cầu vẫn tiếp tục tăng nhanh.



Các sản phẩm nhập khẩu có lợi thế hơn về giá.



Thuế nhập khẩu vào thị trường VN cao.

Thuế nhập khẩu vào VN cao

Mã HS6	Thuế áp dụng trung bình (%)	Mô tả
Sản phẩm sữa		
040110 to 30	20	Sữa và kem có hàm lượng chất béo theo trọng lượng
040210	21.25	Sữa và kem ở dạng lỏng có chất béo
040221	15	Sữa và kem ở dạng lỏng có chất béo
040229	30	Sữa và kem ở dạng lỏng có chất béo
040291	15	Sữa và kem, đã cô đặc nhưng chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt
040299	30	Sữa và kem, đã cô đặc và đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác
040310	30	Sữa chua đã hoặc chưa pha thêm hương liệu
040390	30	Buttermilk, sữa đã làm đông và cream keph
040410	25	Whey, đã hoặc chưa cô đặc hoặc pha thêm đường
040490	30	Loại khác
040510/20	20	Bơ và các chất béo khác và Chất phết từ bơ sữa
040590	12.5	Loại khác
040610 to 90	20	Loại khác
Thịt bò		
020120, 30	20	Thịt của động vật họ trâu bò, tươi hoặc ướp lạnh.
020210 to 30	20	Thịt của động vật họ trâu bò, đông lạnh
Thịt lợn		
020311/12/19/2 1/22/29	30	Thịt của lợn, tươi hoặc ướp lạnh.

Dự báo thương mại VN-EU của nhóm tiềm năng nhập khẩu

- Thuế quan sẽ giảm
- Gần như không có rào cản phi thuế đối với hàng nhập khẩu

- Tăng mạnh nhập khẩu các sản phẩm sữa sẽ làm lợi cho các doanh nghiệp trong nước
- Tăng nhưng không hạn nhiều trong ngắn hạn đối với nhập khẩu thịt bò và thịt lợn do thói quen sử dụng thịt tươi thay vì thịt đông lạnh ở VN

Cần chú trọng nâng cao hiệu quả sản xuất ở cấp hộ gia đình để tăng nguồn cung trong nước

Ngành đường: thực trạng và triển vọng

Sản xuất trong nước hiện vượt nhu cầu

Được bảo hộ cao, cả ở phía VN lẫn EU bằng việc áp mức thuế cao (40% vs. 53.57%)

Kỳ vọng thuế xuất khẩu sang EU sẽ giảm để đẩy mạnh xuất khẩu nhưng điều này không chắc sẽ đạt được

Thảo luận

- Còn những rào cản nào khác đến quá trình thâm nhập vào thị trường EU đối với nông sản VN?
- Thách thức và cách giải quyết những khi mở cửa thị trường nội địa cho nông sản nhập khẩu từ EU?
- Các vấn đề nảy sinh khi thực thi FTA VN-EU?
- Những vấn đề nào liên quan đến chính sách và thể chế cần được giải quyết?